

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 15/2025/HNGĐ-ST

Ngày 27 – 6 – 2025

V/v yêu cầu ly hôn, giải
quyết về con chung khi ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê.

2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Đạt - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025, về việc: *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Thanh H, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Xóm P, xã T, huyện Th, tỉnh Nghệ An – vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Anh T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Nghệ An vào ngày 31/12/2019. Thời gian đầu sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc, lo làm ăn phát triển kinh tế, sau đó trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã do không cùng quan điểm sống. Khoảng thời gian gần đây chị H và anh T tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng, không tìm được tiếng nói chung, đã tự hoà giải nhiều lần nhưng không được. Đến nay mâu thuẫn giữa vợ chồng đã quá trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H và các con đã chuyển về tỉnh Nghệ An sinh sống, không thể tiếp tục chung sống nên để đảm bảo cuộc sống riêng tư của mỗi người và ổn định sinh sống làm ăn, chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có hai con chung là Lê Thị Minh G, sinh ngày 14/11/2019 và Lê Thị Diễm Q, sinh ngày 18/9/2021, chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con chung, mức cấp dưỡng hàng tháng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000 đồng/tháng. Cấp dưỡng từ khi có quyết định hoặc bản án giải quyết vụ án đến khi con đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án chị H tự nguyện xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Anh T, quá trình giải quyết vụ án đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Nghệ An vào ngày 31/12/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cũng hoà thuận, cùng làm ăn phát triển kinh tế, cách đây khoảng 02 năm trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do chị H chưa biết chăm lo, làm tròn trách nhiệm của người vợ trong gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không cùng quan điểm trong một số việc, khi mâu thuẫn thì chị H hay đưa con về nhà bố mẹ đẻ, tôi đã nhiều lần trao đổi, đón vợ con về chung sống. Nay chị H yêu cầu xin ly hôn, tôi thấy mâu thuẫn giữa chúng tôi chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn nên đề nghị Tòa án cho chung tôi thêm thời gian để suy nghĩ, hoà giải để chúng tôi đoàn tụ để cùng nuôi dưỡng, chăm lo cho các con còn nhỏ nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là Lê Thị Minh G, sinh ngày 14/11/2019 và Lê Thị Diễm Q, sinh ngày 18/9/2021, chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung đến khi đủ 18 tuổi thì tôi không đồng ý vì tôi chưa đồng ý ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do tôi chưa đồng ý ly hôn nên tôi không có ý kiến về vấn đề này.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết vì tôi không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt nên không thể tiến hành hoà giải.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn nhiều lần vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai không có lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của bị đơn. Việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Thanh H.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị Thanh H được ly hôn với anh Lê Anh T.

Về con chung: Giao hai con chung là Lê Thị Minh G, sinh ngày 14/11/2019 và Lê Thị Diễm Q, sinh ngày 18/9/2021 cho chị Bùi Thị Thanh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị Bùi Thị Thanh H không yêu cầu anh Lê Anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Thanh H không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, các giấy báo tham gia phiên tòa những vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh H, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Th, tỉnh Nghệ An vào ngày 31/12/2019,

quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét lời trình bày của chị H cho rằng quá trình chung sống có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn là có cơ sở, thực tế chị H và anh T đã không còn chung sống, chị H và các con đã về sinh sống tại tỉnh Nghệ An từ tháng 11 năm 2024 cho đến nay. Đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau trao đổi, chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Do đó, có căn cứ xác định, trong cuộc sống hôn nhân giữa chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn là có thật và kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con là Lê Thị Minh G, sinh ngày 14/11/2019 và Lê Thị Diễm Q, sinh ngày 18/9/2021 đến khi đủ 18 tuổi, thấy rằng từ khi không còn chung sống, chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng các con. Do đó để đảm bảo các con ổn định nơi sinh sống và học tập cần chấp nhận giao các con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh T đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Thanh H được ly hôn với anh Lê Anh T.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Lê Thị Minh G, sinh ngày 14/11/2019 và Lê Thị Diễm Q, sinh ngày 18/9/2021 cho chị Bùi Thị Thanh H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Bùi Thị Thanh H không yêu cầu anh Lê Anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bùi Thị Thanh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0012383 ngày 15/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
 - VKSND huyện Krông Búk;
 - Các đương sự;
 - Chi cục THADS huyện K;
 - UBND xã T, huyện Th,
- tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Hoàng Văn Vân